


Phần: 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	:	EC-SOFT
Các hình thức nhận dạng khác	:	Không áp dụng.
Cách sử dụng đề xuất	:	Chất làm mềm vải.
Các khuyến nghị về hạn chế sử dụng	:	Dùng trong công nghiệp và các lĩnh vực chuyên môn.
Thông tin về sản phẩm pha loãng	:	Sản phẩm dùng ngay.
Công ty	:	CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Phòng 8.2 – Tòa nhà ETOWN 2, 364 đường Cộng Hòa Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam +84 28 35285100
Điện thoại khẩn cấp	:	+(84)-444581938
Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020

Phần: 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI
Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật	:	Nhóm 3
Độc tính thủy sinh lâu dài	:	Nhóm 2

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo	:	
------------------	---	---

Cảnh báo các nguy cơ	:	Có hại đối với thủy sinh vật. Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
----------------------	---	---

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa	:	Biện pháp phòng ngừa: Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Sơ cứu/Cấp cứu: Thu hồi chất tràn đổ. Việc thải bỏ: Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.
---------------------------------------	---	---

Các nguy cơ khác	:	Được biết là chưa xảy ra.
------------------	---	---------------------------

Phần: 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Đơn chất/Hỗn hợp chất	:	Hỗn hợp
-----------------------	---	---------

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ: (%)
Hợp chất quaternary ammonium	61789-80-8	3 - 5
propan-2-ol	67-63-0	0.5 - 1

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Amines, bis(hydrogenated tallow alkyl)methyl

61788-63-4

< 0.1

Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa bằng thật nhiều nước.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng thật nhiều nước.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Bảo vệ người sơ cứu : Không cần thiết có sẵn các biện pháp phòng bị cho nhân viên cấp cứu.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có các biện pháp cụ thể.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và lâu dài : Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa : Không dễ cháy hoặc dễ bắt lửa.

Các sản phẩm cháy nguy hại : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau
Carbon ôxít
Nitơ ôxít (NOx)
Ôxít lưu huỳnh
Ôxít photpho

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.

Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp : Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).
Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu lại không cho chảy vào nguồn nước.

Phần: 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

Các điều kiện lưu giữ an toàn : Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.

Nhiệt độ lưu giữ : 0 °C tới 40 °C

Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Các biện pháp kỹ thuật : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.

Bảo vệ tay : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.

Bảo vệ da : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Các biện pháp vệ sinh : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác.

Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng
Màu sắc : mờ đục, màu xanh dương nhạt
Mùi : Hương hoa
Độ pH : 7.0 - 9.5, 100 %
Điểm chớp cháy : Không áp dụng.
Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : > 100 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Ngưỡng nổ trên	:	chưa có dữ liệu
Ngưỡng nổ dưới	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	0.95 - 1.0
Khả năng hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Phân hủy do nhiệt	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu
VOC	:	chưa có dữ liệu

Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định hóa học	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các vật liệu xung khắc	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	:	sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau Carbon ôxit Nitơ ôxit (NOx) Ôxit lưu huỳnh Ôxit photpho

Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể: Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da

Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khỏe

Mắt	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Da	:	Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

- Ăn uống : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Hít phải : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
- Phơi nhiễm Mãn tính : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

- Tiếp xúc với mắt : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
- Tiếp xúc với da : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
- Nuốt phải : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
- Hít phải : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Độc tính

Sản phẩm

- Độc tính cấp theo đường miệng : chưa có dữ liệu
- Độc tính cấp do hít phải : chưa có dữ liệu
- Độc tính cấp qua da : chưa có dữ liệu
- Kích ứng/ăn mòn da : chưa có dữ liệu
- Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt : chưa có dữ liệu
- Nhạy cảm với hô hấp hoặc da : chưa có dữ liệu
- Độc tính gây ung thư : chưa có dữ liệu
- Các ảnh hưởng tới sinh sản : chưa có dữ liệu
- Khả năng gây đột biến tế bào mầm : chưa có dữ liệu
- Độc tính gây quái thai : chưa có dữ liệu
- STOT - Tiếp xúc một lần : chưa có dữ liệu
- STOT - Tiếp xúc lặp lại : chưa có dữ liệu
- Độc tính hô hấp : chưa có dữ liệu

Thành phần

- Độc tính cấp theo đường miệng : Hợp chất quaternary ammonium
LD50 Chuột > 2,000 mg/kg
- propan-2-ol
LD50 Chuột: 5,840 mg/kg
- Amines, bis(hydrogenated tallow alkyl)methyl
LD50 Chuột > 5,000 mg/kg

Thành phần

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Độc tính cấp do hít phải : Hợp chất quaternary ammonium
4 h LC50 Chuột: > 45 mg/l

propan-2-ol
4 h LC50 Chuột: > 30 mg/l

Thành phần

Độc tính cấp qua da : Hợp chất quaternary ammonium
LD50 Chuột: > 2,000 mg/kg

propan-2-ol
LD50 Thỏ: 12,870 mg/kg

Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc sinh thái

Tác động tới môi trường : Có hại đối với thủy sinh vật. Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Sản phẩm

Độc đối với cá : chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : chưa có dữ liệu

Độc đối với tảo : chưa có dữ liệu

Thành phần

Độc đối với cá : propan-2-ol
96 h LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 9,640 mg/l

Thành phần

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : Hợp chất quaternary ammonium
48 h EC50 Daphnia (Rận nước Daphnia): 0.32 mg/l

propan-2-ol
LC50 Daphnia magna (Bọ nước): > 10,000 mg/l

Thành phần

Độc đối với tảo : Amines, bis(hydrogenated tallow alkyl)methyl
72 h EC50: 0.085 mg/l

Độ bền và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Phần: 13. YẾU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy : Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.

Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

Các lưu ý về tiêu hủy : Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

Vận tải mặt đất

Hàng hóa không nguy hiểm

Vận tải đường biển

(IMDG/IMO)

Hàng hóa không nguy hiểm

Phần: 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

Bảng thống kê TSCA của Mỹ :

chưa được xác định

Danh sách các chất nội địa của Canada :

Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá)

:
chưa được xác định

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand.

:
chưa được xác định

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại.

:
chưa được xác định

Nhật Bản. ISHL - Bảng thống kê các hóa chất (METI) :

chưa được xác định

Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :

chưa được xác định

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS)

:
chưa được xác định

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EC-SOFT

Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :
chưa được xác định

Phần: 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng phát hành đầu tiên : 30.11.2020
Phiên bản : 1.0A
Chuẩn bị bởi : Regulatory Affairs

THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI: những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khỏe của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.